|  |  |
| --- | --- |
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 15/2020/NQ-HĐND | *Hải Dương, ngày 24 tháng 12 năm 2020* |

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ trợ cấp, trợ giúp xã hội đối với các đối tượng đang  
được nuôi dưỡng, học tập tại Trung tâm Phục hồi chức năng,  
giáo dục dạy nghề và tạo việc làm cho người mù thuộc  
Hội Người mù tỉnh Hải Dưong

HỘI ĐÒNG NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG  
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỬ 15

Căn cứ Luật tổ chức chỉnh quyền địa phương ngày 19 thảng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chỉnh phủ và Luật Tẻ chức chỉnh quyền địa phương ngày 22 thảng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 thảng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 thảng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định sổ 136/2013/NĐ-CP ngày 21 thảng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đổi với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 thảng 10 năm 2014 của Bộ Lao động thương bỉnh và xã hội - Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định sổ 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 10 thảng 12 năm 2020 của ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quy định chế độ trợ cấp, trợ giúp xã hội đổi với các đổi tượng đang được nuôi dưỡng, học tập tại Trung tâm Phục hồi chức năng, giảo dục dạy nghề và tạo việc làm cho người mù thuộc Hội Người mù tỉnh Hải Dương; Bảo cảo thẩm tra của Ban văn hóa — xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ỷ kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dán tỉnh tại kỳ họp.

QƯYÉT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ ữợ cấp, trợ giúp xã hội cho các đối tượng đang được nuôi dưỡng, học tập tại Trung tâm Phục hồi chức năng, giáo dục dạy nghề và tạo việc làm cho người mù thuộc Hội Người mù tỉnh Hải Dương như sau:

1. Đối tượng áp dụng:
2. Người có thị lực từ 0,5/10 trở xuống hoặc sau khi chỉnh kính cả hai mắt chỉ đếm được ngón tay khi đặt bàn tay cách mắt 3m trở lại, có độ tuổi từ 05 tuổi đến 18 tuổi, có đủ sức khỏe, đang tham gia học phục hồi chức năng, học giáo dục phổ thông tại Trung tâm đến hết chưorng trình giáo dục phổ thông.
3. Người có thị lực từ 0,5/10 trở xuống hoặc sau khi chỉnh kính cả hai mắt chỉ đếm được ngón tay khi đặt bàn tay cách mắt 3m trở lại có độ tuổi từ 15 đến 55 đối với nữ, từ 15 đến 60 đối với nam, có đủ sức khỏe, đang tham gia học phục hồi chức năng, học nghề tại Trung tâm trong thời gian 06 tháng.
4. Mức chi:
5. Đối với đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này:

* Mức chi trợ cấp nuôi dưỡng: 36.000 đồng/người/ngày.
* Mức chi trợ cấp mua tư trang, vật dụng sinh hoạt đời sống hàng ngày {chăn, màn, chiếu, quần *ảo* mùa hè, quần ảo mùa đông, quần *áo lót,* khăn mặt, giày, *dép,* bàn chải đánh răng...): 1.150.000 đồng/người/năm.
* Mức chi trợ cấp tiền thuốc chữa bệnh: 300.000 đồng/người/năm.
* Mức chi trợ cấp tiền vệ sinh cá nhân đối với đối tượng phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ: 30.000 đồng/người/tháng.
* Hỗ trợ chi phí mai táng phí khi chết: 5.400.000 đồng/người.

1. Đối với đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này:

* Mức chi trợ cấp nuôi dưỡng: 36.000 đồng/người/ngày.

Trong thời gian được hưởng chế độ trợ cấp tại Trung tâm, đối tượng không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.

Khi mức trợ cấp, trợ giúp xã hội đối với các đối tượng đang được chăm sóc, nuôi dưỡng, quản lý tại các trung tâm bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động Thưomg binh và Xã hội được điều chỉnh, giao cho Ưỷ ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh tương ứng các mức trợ cấp này cho phù hợp.

1. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

3

1. Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp tỉnh bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

Điều 2. Giao ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương Khóa XVI,

Kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 04 tháng 01 năm 2021. Các chính sách trong Nghị quyết này được thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận:   * *Ủy ban Thường vụ Quốc hội;* * *Thủ tướng Chính phủ;* * *Bộ Tài chính;* * *Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);* * *Ban Công tác đại biểu;* * *Ban Thường vụ Tỉnh ủy;* * *Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;* * *Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;* * *Các vị đại biểu HĐND tỉnh;* * *Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;* * *Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;* * *Lãnh đạo và CV Văn phòng HĐND tỉnh;* * *Thường trực HĐND và UBND các huyện, TP, TX;* * *Báo Hải Dương, Trang TTĐT HĐND tỉnh;* * *Trung tâm CNTT - VP UBND tính;* * *Lưu: VT.* | **CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Mạnh Hiển** |